

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/ HNGĐ - ST

Ngày 01 - 9 - 2020

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Trung.
2. Ông Nguyễn Văn Bảy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 39 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T.

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu D, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Khả S.

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu D, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lê Khả S tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh ngày 26 tháng 4 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại tổ 4, khu D, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa

thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh S là người nóng tính, gia trưởng, vũ phu nên thường xuyên đánh đập, chửi bới chị T. Vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị T đã từng làm đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân thị xã Đ tuy nhiên anh S đã xin lỗi, hứa sẽ sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm. Vì thương con, mong muốn con có một gia đình trọn vẹn nên chị T đã rút đơn đề vợ chồng trở về đoàn tụ, cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái khôn lớn, trưởng thành. Tuy nhiên được một thời gian sau đó anh S lại tiếp tục đánh đập chị, khi chị T đang mang thai đứa con thứ hai được khoảng 6 tháng, anh S đã đánh chị phải nhập viện cấp cứu. Ngày 21/5/2020 chị T đã phải bỏ về nhà chị gái ruột tại khu V, phường M, thị xã Đ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa chị T và anh S mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định tình cảm dành cho anh S không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên chị T đề nghị được ly hôn anh Lê Khả S.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị T và anh Lê Khả S có hai con chung tên là Lê Phương T, sinh ngày 14/9/2012 và Lê Phương A, sinh ngày 07/7/2020. Thời gian vợ chồng ly thân, cháu T ở cùng với chị T; còn cháu Phương A, chị T vừa mới sinh nên nay ly hôn chị T nhận nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con. Chị T trình bày hiện nay chị có cửa hàng kinh doanh tạp hóa tại Chợ M, thuộc phường M, thị xã Đ, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/ 1 tháng. Đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lê Khả S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về các phiên họp, phiên hòa giải theo quy định, nhưng đều vắng mặt không có lý do.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Văn V - Trưởng khu D, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh cho biết: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Khả S là vợ chồng, sau khi kết hôn về chung sống tại tổ 4, khu D, phường M, thị xã Đ. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, chửi bới nhau. Ông V được nghe mọi người kể lại anh S đánh chị T phải nhập viện cấp cứu, nguyên nhân cụ thể thì ông Việt không nắm được. Hiện nay chị T không chung sống cùng anh S, chị T đã bỏ về nhà chị gái ở, còn anh S vẫn ở nhà tại tổ 4, khu D, phường M. Ông V khẳng định chị T và anh S có 01 người con chung tên là Lê Phương T, sinh năm 2012 hiện nay cháu T không sống cùng với bố, còn ở đâu thì ông không rõ và chị T hiện nay đang mang thai đứa con thứ hai. Về tài sản chung và nợ chung của chị T và anh S, ông V không nắm được. Nay chị Nguyễn Thị Thu T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Khả S, với tư cách là Trưởng khu, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đối với cháu Lê Phương T, là con chung của chị T và anh S trên bảy tuổi nên Tòa án tiến hành lấy lời khai. Khi được hỏi ý kiến, cháu Lê Phương T trình bày: Từ trước đến nay cháu vẫn ở cùng với bố mẹ. Quá trình chung sống bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn nên mẹ cháu và cháu đã chuyển về nhà bác (là chị gái ruột của mẹ sinh sống). Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Lê Khả S; giao hai con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác, Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Khả S tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh S có xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả, hai người đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2020.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã mở các phiên họp, phiên hòa giải để các bên có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận với nhau về những vấn đề có tranh chấp. Anh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo về thời gian, địa điểm mở các phiên họp, phiên hòa giải nhưng vắng mặt, không có lý do. Như vậy có thể thấy anh S không còn mong muốn vợ chồng hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn trở về đoàn tụ.

Từ đó xác định: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lê Khả S không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung:

Chị T và anh S có hai con chung là cháu Lê Phương T, sinh ngày 14/9/2012 và Lê Phương A, sinh ngày 07/7/2020; khi vợ chồng ly thân, cháu T ở cùng chị T và sau đó chị sinh được cháu Phương A. Hiện nay cả hai con chung đều được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường, chị T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến nay, anh S không có quan điểm gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao cháu Lê Phương T và cháu Lê Phương A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Lê Khả S.
2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con tên là Lê Phương T, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2012 và Lê Phương A, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2020 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Khả S không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Khả S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Nguyễn Thị Thu T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004649 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường M);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tô Thị Thịnh